

CHÂU BẢN, MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN - DI SẢN TƯ LIỆU THẾ GIỚI VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC

LTS. Trong khuôn khổ chuyến công tác tại Liên bang Nga, ngày 11/11/2017, Đoàn đại biểu Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đã tham dự Hội thảo quốc tế: “Bản đồ Đông Dương trong tâm điểm địa chính trị, Cách mạng Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam” do Cơ quan Lưu trữ Liên bang Nga tổ chức tại trụ sở Hội Lịch sử Nga ở Moscow. Tại Hội thảo, Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước Việt Nam Đặng Thanh Tùng đã trình bày tham luận: “Di sản tư liệu thế giới Châu bản, Mộc bản triều Nguyễn về chủ quyền biển đảo Việt Nam”. Tham luận đã mang đến Hội thảo những thông tin về bằng chứng lịch sử của kho tàng Di sản tư liệu Việt Nam và quốc tế, phản ánh lịch sử phát triển và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á, đó là Mộc bản và Châu bản triều Nguyễn, cùng nhiều tài liệu khác liên quan đến hoạt động thủy quân, quan trắc địa lý, kinh doanh của triều Nguyễn trên khu vực biển thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Đó cũng là cách cung cấp thêm thông tin một cách thuyết phục để các bạn Nga tiếp tục ủng hộ Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc như các bạn đã thực hiện trong suốt thời gian vừa qua.

Tập chí Văn thư – Lưu trữ Việt Nam xin trân trọng giới thiệu tới quý độc giả toàn văn bài tham luận này.

I. VAI NÉT VỀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia nằm trong Bán đảo Đông Dương thuộc khu vực Đông Nam Á, với toàn bộ phần phía Đông và phía Nam giáp Biển Đông. Biển Đông là vùng biển nằm ở rìa lục địa, thuộc Thái Bình Dương, có diện tích bao phủ khoảng 3.500.000 km². Đây là một vùng biển lớn thứ tư thế giới sau biển Philippines, biển San Hô và biển Ả Rập. Người Việt Nam, xưa nay vẫn thường gọi là biển Đông bởi xuất phát từ ý nghĩa là vùng biển nằm ở phía Đông đất nước. Bờ biển Việt Nam chiếm tới 35% chu vi biển Đông với hàng nghìn đảo lớn nhỏ, tập trung trong vùng nội thủy thuộc vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan. Trong đó có hai quần đảo san hô lớn và có vị trí chiến lược quan trọng nhất là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Do những ưu đãi về tự nhiên và hải thế, biển Đông chiếm giữ một kho tài nguyên khổng lồ và một vị trí chiến lược không thể thay thế về nhiều phương diện. Hàng nghìn loài sinh vật biển với trữ lượng không thể xác định, một trong năm bồn chứa dầu khí lớn nhất toàn cầu, hàng vạn hòn đảo, hàng chục tuyến vận tải biển quốc tế quan trọng, biển Đông chỉ phối lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh của hầu hết các nước trong khu vực và nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếp giáp với biển Đông, ngoài Việt Nam có 8 quốc gia khác là Trung Quốc, Philippines,

Indonesia, Brunei, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và vùng lãnh thổ Đài Loan, trong đó Việt Nam chiếm vị trí quan trọng hơn cả. Lượn theo hình chữ S, phần đất liền Việt Nam giáp biển trải dài 3.260 km qua 28 tỉnh thành phố, từ Quảng Ninh đến Kiên Giang. Tính trung bình tỷ lệ diện tích theo số km bờ biển, cứ 100 km², Việt Nam có 1km bờ biển (so với trung bình thế giới là 600 km² đất liền trên 1km bờ biển). Do những chấn tạo địa chất trải qua nhiều thiên niên kỷ mà vùng biển Việt Nam có khoảng 4.000 hòn đảo lớn nhỏ khác nhau, trong đó có một số đảo có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển của đất nước, như: Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ (thành phố Hải Phòng), Côn Cỏ (tỉnh Quảng Trị), Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng), Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa), Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi), Phú Quý (tỉnh Bình Thuận), Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu), Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang)...

Nằm ở trung tâm của biển Đông, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một trong những khu vực có nhiều tuyến đường biển giao thương nhất thế giới. Từ xa xưa, các cuộc vượt biển hướng về Hoàng Sa, Trường Sa để khai thác hải sản, khoáng vật như một công việc tự nhiên tất yếu bao đời nay của người Việt. Rất nhiều tư liệu, thư tịch Hán Nôm cổ của Việt Nam và nhiều tư liệu khác của nhiều



Trích Bản đồ hành chính huyện đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng)

Nguồn: Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ

Trích Bản đồ hành chính huyện đảo Trường Sa (Khánh Hòa)

Nguồn: Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ

quốc gia đã ghi chép rất rõ về điều này.

Quần đảo Hoàng Sa tên quốc tế là **Paracel Islands**, nằm trong khoảng $15^{\circ}45'$ đến $17^{\circ}15'$ Bắc - 111° đến 113° Đông, gồm hơn 30 hòn đảo, cồn đá, bãi san hô, bãi cát trên vùng biển rộng từ tây sang đông khoảng 140 hải lý, từ Bắc xuống Nam khoảng 85 hải lý, diện tích khoảng 15.000 km². Hoàng Sa chủ yếu gồm 2 nhóm đảo chính, đây là những đảo tương đối lớn (ngoài ra còn một số đảo nhỏ ngầm là những dải san hô ngầm dưới nước), nhóm phía Tây gọi là nhóm Nguyệt Thiềm (nhóm Lưỡi Liềm) và nhóm phía Bắc gọi là nhóm An Vĩnh. Vị trí địa lý và đặc điểm của từng đảo thuộc các nhóm như sau:

Nhóm Nguyệt Thiềm (còn gọi là Nhóm Lưỡi Liềm): nhóm này nằm về phía Tây - Nam, gồm các đảo chính: Đảo Hoàng Sa (Pattle); Đảo Cam Tuyền hay còn gọi là đảo Hữu Nhật (Robert); Đảo Vĩnh Lạc hay còn gọi là đảo Quang Anh (Money); Đảo Quang Hòa (Duncan); Đảo Duy Mộng (Drummond); Đảo Bạch Qui (Pasu Keah); Đảo Tri Tôn (Triton).

Trong nhóm Nguyệt Thiềm, đảo Hoàng Sa là đảo có vị trí quan trọng nhất, đảo nằm ở Kinh tuyến $11^{\circ}36'$ và ở vào Vĩ tuyến $16^{\circ}33'$, địa thế đảo bầu dục, phía Bắc của đảo có hải đăng và đài khí tượng của tỉnh Quảng Nam (1945 - 1974) dùng để thông tin liên lạc trực tiếp với đài khí tượng của một số nước Đông Nam Á.

Diện tích nhô lên trên mặt nước là 1,5 km², diện tích chung cho toàn đảo là 3,5km². Trên đảo hiện lưu rất nhiều dấu tích của người Việt Nam đã từng đến đảo, có miếu thờ, giếng nước ngọt, và bãi vị cắm mốc khẳng định chủ quyền của người Việt Nam dưới thời vua Minh Mệnh.

Nhóm An Vĩnh (nhóm phía Bắc): nhóm này nằm về phía Bắc đảo trung tâm, gồm các đảo chính: Đảo Phú Lâm; Đảo Linh Côn; Đảo Cây hay còn gọi là đảo Cù Mộc; Đảo Trung; Đảo Bắc; Đảo Nam; Đảo Hòn Đá hay còn gọi là Thạch đảo. Nhóm An Vĩnh nằm gần Vĩ tuyến 17° , và giữa Kinh tuyến khoảng 112° đến 116° . Phần lớn các đảo là những mỏm đá san hô xen lẫn những bãi cát không cây cối. Trong những đảo kể trên, đảo Phú Lâm và đảo Linh Côn được xem là hai đảo lớn nhất thuộc nhóm này. Nhiều mỏm đá ngầm vây quanh đảo Linh Côn làm cho tàu bè tới gần rất nguy hiểm, trước kia đã có rất nhiều tàu thuyền phương Tây bị đắm tại đây. Trên đảo Phú Lâm có khối lượng lớn phốt phát, nhờ sự pha trộn phân chim với đá vôi cùng nước mưa.

Trích Bản đồ hành chính huyện đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng)

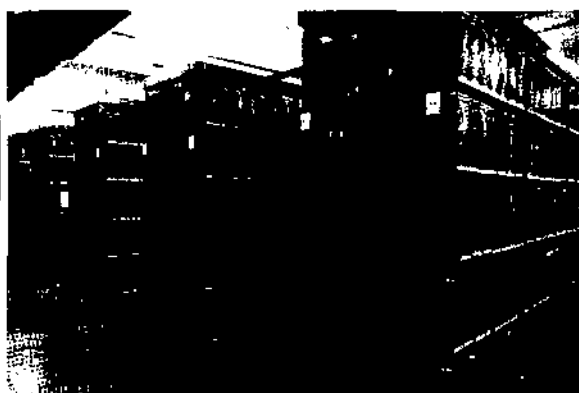
Nguồn: Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ Trích Bản đồ hành chính huyện đảo Trường Sa (Khánh Hòa)

Nguồn: Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ



Kho lưu trữ Mộc bản triều Nguyễn

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV



Kho lưu trữ Châu bản triều Nguyễn

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

Quần đảo Trường Sa tên quốc tế là Spratly Islands, nằm trong khoảng 6°30 đến 12°00 Bắc - 111°30 đến 117°30 Đông, gồm hơn 100 hòn đảo, cồn đá, bãi san hô trên vùng biển rộng từ Tây sang Đông khoảng gần 350 hải lý, từ Bắc xuống Nam khoảng hơn 360 hải lý, diện tích khoảng 160.000 đến 180.000 km². Trường Sa nằm về phía Đông Nam của quần đảo Hoàng Sa, có 8 hòn đảo lớn là Đảo Song Tử Đông (North East Cay); Đảo Song Tử Tây (South West Cay); Đảo Thị Tứ; Đảo Loại Ta; Đảo Nam Yết (Nam Yit); Đảo Sinh Tồn (Sin Cowe); Đảo Trường Sa; Đảo An Bang.

Với hệ sinh thái biển rất đa dạng và ở kề cận lục địa Việt Nam nên Hoàng Sa và Trường Sa từ xa xưa đã được các ngư dân của Việt Nam thường xuyên lui tới. Họ đến đây chủ yếu để khai thác sản vật biển, tìm kiếm kho báu do các tàu thuyền qua lại bị đắm và thường lưu trú lại trên các đảo. Sử sách của Việt Nam trước đây đã nhiều lần đề cập đến các quần đảo này như một phần không thể thiếu của lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam, như *Phủ Biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* của Đỗ Bá, *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú và các bộ quốc sử, địa chí chính thống do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Quốc triều chính biên toát yếu*, *Đại Nam địa dư chí*... Đặc biệt, quá trình xác lập và thực thi chủ

quyền của nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ còn được thể hiện rất rõ trong nguồn tài liệu lưu trữ gốc và các di sản tư liệu thế giới hiện đang bảo quản tại các Lưu trữ quốc gia thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước Việt Nam.

II. NGUỒN TÀI LIỆU LƯU TRỮ VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO TẠI CÁC LƯU TRỮ QUỐC GIA VIỆT NAM

Hiện nay, các Trung tâm Lưu trữ quốc gia thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước Việt Nam đang bảo quản hơn 30.000 m giá tài liệu với các vật mang tin khác nhau như: giấy, ảnh, băng từ, gỗ... được hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước và của các cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu trải qua các thời kỳ lịch sử của dân tộc Việt Nam. Trong đó, tiêu biểu là hai khối tài liệu đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu cấp quốc tế đó là Châu bản triều Nguyễn và Mộc bản triều Nguyễn. Đây là các tài liệu có giá trị đặc biệt trên nhiều phương diện thuộc Phòng Lưu trữ quốc gia Việt Nam.

1. Mộc bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới

Mộc bản là những bản gỗ khắc chữ Hán Nôm ngược, dùng để in ấn sách dưới thời phong kiến. Mộc bản triều Nguyễn được hình thành trong hoạt động của Quốc sử quán triều Nguyễn dùng để nhân bản tài liệu nhằm phổ biến rộng rãi thông tin, kiến thức. Hiện nay bộ Mộc bản trước

đây thuộc Quốc sử quán triều Nguyễn đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Mộc bản triều Nguyễn là loại tài liệu đặc biệt, vừa mang tính chất tư liệu hiện vật, vừa mang giá trị thông tin phong phú. Đây là khối tài liệu quý, là cơ sở khoa học trong việc nghiên cứu, đối chiếu các bộ chính sử nhà Nguyễn nói riêng và tài liệu thư tịch Hán Nôm nói chung. Năm 2009, Mộc bản triều Nguyễn đã được UNESCO vinh danh là Di sản tư liệu thế giới.

Việc xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông đã được nhiều thế hệ người Việt kế thừa và ghi chép cụ thể như việc tổ chức các hải đội định kỳ khảo sát đường biển, báo cáo mô tả tình hình thăm dò tại các đảo, đánh giá trữ lượng sản vật, cứu giúp tàu thuyền gặp nạn ngoài khơi... được phản ánh khá chi tiết trong tài liệu Mộc bản triều Nguyễn.

2. Châu bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu khu vực châu Á Thái Bình Dương

Châu bản triều Nguyễn là các tài liệu hành chính của triều Nguyễn (1802-1945), triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam và khu vực. Châu bản hình thành trong hoạt động quản lý nhà nước của triều Nguyễn bao gồm: văn bản do các Hoàng đế ban hành, văn bản do các cơ quan trong hệ thống chính quyền đệ trình lên Hoàng đế phê duyệt bằng mực son và các văn kiện ngoại giao. Châu bản chủ yếu được viết tay trên giấy dó, bằng chữ Hán và chữ Nôm, một số văn bản giai đoạn cuối triều Nguyễn viết bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ. Toàn bộ khối Châu bản triều Nguyễn hiện nay được lưu trữ, bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I tại Hà Nội.

Châu bản là khối văn thư hành chính của triều đình nhà Nguyễn, vì vậy nội dung Châu bản bao quát gần như toàn bộ lịch sử, đời sống kinh tế, xã hội, con người ở Việt Nam giai đoạn thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20. Châu bản cũng phản ánh mối quan hệ bang giao của triều Nguyễn với nhiều quốc gia trên thế giới như: Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia, Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ... Với những giá trị đặc sắc về nội dung và hình thức,

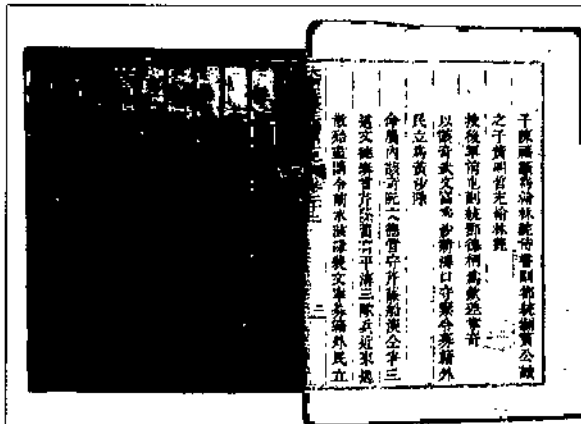
năm 2014 Châu bản triều Nguyễn đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới Khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Là những bản gốc, có bút tích phê duyệt trực tiếp của các Hoàng đế và được đóng dấu hợp pháp của triều đình, nên Châu bản triều Nguyễn nhiều lần được sử dụng làm tư liệu lịch sử và bằng chứng pháp lý để đấu tranh về chủ quyền biển đảo của Việt Nam và giải quyết những tranh chấp quốc tế trên biển Đông.

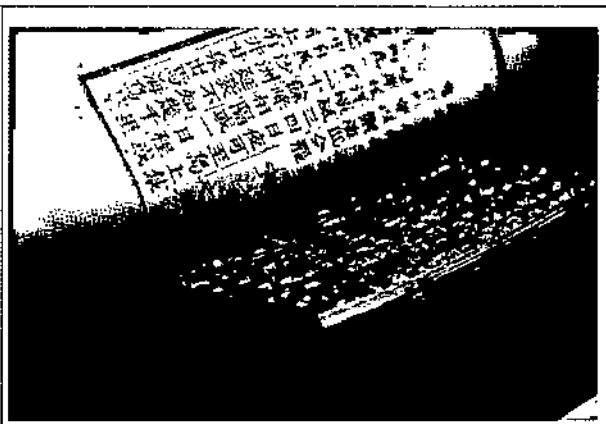
3. Tài liệu thời kỳ thuộc địa Pháp, thời kỳ Việt Nam Cộng hòa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Ngoài Châu bản, Mộc bản triều Nguyễn, hiện nay Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước còn quản lý nhiều phong tài liệu bằng tiếng Pháp, tiếng Việt khác, tiêu biểu như: Phủ Toàn quyền Đông Dương, Phủ Thống sứ Bắc kỳ, Tòa Khâm sứ Trung kỳ, Phủ Thống đốc Nam Kỳ,... Đây là những tài liệu được hình thành trong thời kỳ thuộc địa Pháp ở Đông Dương và Việt Nam. Các phong tài liệu Phủ Thủ hiến Bắc Việt, Phủ Thủ hiến Trung Việt, Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa... được hình thành trong quá trình hoạt động của Chính phủ Quốc gia Việt Nam và Việt Nam Cộng hòa. Trong đó nhiều tài liệu phản ánh các vấn đề về biển đảo Việt Nam như: tổ chức bộ máy hành chính, phân định ranh giới, xây dựng các công trình quân sự, dân sự, các trạm quan trắc tại các đảo; giải quyết tranh chấp lãnh thổ và thềm lục địa với các nước trong khu vực; báo cáo, tường trình về các vụ xâm nhập trái phép lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam...

Ngoài ra, các phong tài liệu được hình thành từ năm 1945 đến nay của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam như Phong tài liệu Quốc hội, Phủ Chủ tịch nước, Phủ Thủ tướng,... cũng chứa đựng rất nhiều tài liệu gốc thể hiện quá trình quản lý, chiếm hữu liên tục và bảo vệ, thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hải đảo và vùng biển thuộc Việt Nam theo công pháp quốc tế.



Vua Gia Long cho lập Đội Hoàng Sa (Mộc bản khắc sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ)
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV



Mô tả vị trí Quần đảo Hoàng Sa (Mộc bản khắc sách Đại Nam nhất thống chí)
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

III. DI SẢN TƯ LIỆU THẾ GIỚI CHÂU BÁN, MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN VỀ CHỦ QUYỀN BIÊN ĐẢO VIỆT NAM

Trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam, triều Nguyễn đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc thống nhất, mở mang bờ cõi, xác lập chủ quyền lãnh thổ, chống lại các cuộc xâm lược của lân bang, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ. Rất nhiều những tư liệu lịch sử, những văn bản hành chính đã thể hiện cụ thể và rõ ràng việc xác định chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông, đặc biệt là đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Từ thời xa xưa, các triều đại phong kiến Việt Nam luôn chủ trương mềm dẻo nhưng vẫn kiên định bảo vệ chủ quyền biên cương, bờ cõi. Tháng 4 năm Quý Tị (1473) vua Lê Thánh Tông nói với các quan phụ trách việc biên cương, đứng đầu là Thái bảo Kiên Dương bá Lê Cảnh Huy rằng: *Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại tự tiện vứt bỏ đi được, người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc bày tỏ rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người dám đem một thước một tấc đất của Thái tổ làm mồi cho giặc thì tội phải tru di!*

Câu nói trên giống như một tuyên ngôn đánh thép về chủ quyền, độc lập dân tộc. Uyển

chuyển để giữ thế ứng xử trong ngoại giao, nhưng cứng rắn là để giữ từng tấc đất, từng thước núi của cha ông.

Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được miêu tả cụ thể trong tài liệu Mộc bản triều Nguyễn khắc sách *Đại Nam nhất thống chí* chép như sau: *Phía Đông tỉnh Quảng Ngãi có đảo Hoàng Sa, liền sát với biển làm thành trì... Đảo Hoàng Sa: ở phía đông đảo Lý (Cù Lao Ré). Từ bờ biển Sa Kỳ đi thuyền ra, thuận gió thì độ 3 đến 4 ngày đêm có thể đến nơi, trên đảo quần tụ rất nhiều núi, có đến hơn 130 đảo nhỏ cách nhau hoặc một ngày đường, hoặc mấy trống canh. Trong đảo có bãi cát vàng, liền tiếp kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục gọi là bãi "Vạn Lý Trường Sa" (Bãi cát dài vạn dặm), trên đảo có giếng nước ngọt, suối chảy, chìm biển quần tụ...². Do vậy, vị trí địa lý của Đảo Hoàng Sa đã được xác định cụ thể nằm ở phía Đông tỉnh Quảng Ngãi, nếu xuất phát từ cửa biển Sa Kỳ đi ra đảo sẽ mất khoảng 3 đến 4 ngày đêm là tới nơi.*

Đội Hoàng Sa được thành lập dưới thời các chúa Nguyễn là sự sáng tạo độc đáo của phương thức xác lập và thực thi chủ quyền của nước nhà đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Với 70 người lấy dân xã Vĩnh An, một vùng quê biển giàu truyền thống và kinh

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

nghiệm chinh phục biển khơi sung vào, tháng 2 hàng năm đi thuyền ra Vạn lý Hoàng Sa khai thác hóa vật và sản vật, hải vật quý ngoài hải đảo về dâng nạp vào tháng 8, hoạt động này đã trở thành thông lệ hàng năm.

Đến thời các vua nhà Nguyễn, Nguyễn Ánh sau khi thống nhất đất nước lên ngôi vua (1802), lấy niên hiệu là Gia Long. Hơn ai hết, ông là người có ý thức sâu sắc về giá trị và tầm quan trọng của biển đảo, ông đã đề tâm ngay đến việc tái lập đội Hoàng Sa. Sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ chép: *Năm Quý Hợi - Gia Long thứ 2 (1803), tháng 7 lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa*³.

Đặc biệt năm 1816 vua Gia Long cho dựng mốc cắm cờ xác định chủ quyền tại Hoàng Sa. Theo tập san *Journal of an Embassy from the Governor-General of India to the Courts of Siam and Cochinchina* do John Crawford biên soạn, xuất bản tại London (Anh) năm 1830, có đoạn viết: *Năm 1816, vua Cochinchina đã chiếm một quần đảo không có người ở và hiểm trở bao gồm nhiều đá, đảo nhỏ, bãi cát... gọi là Paracel. Theo đó, nhà vua tuyên bố quần đảo này thuộc chủ quyền nước này, mà hầu như không bị tranh chấp.*

Tài liệu Châu bản đã ghi chép việc các vua nhà Nguyễn luôn quan tâm đến vấn đề xác lập và thực thi chủ quyền lãnh thổ trên biển Đông, đặc biệt đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và những đảo gần đất liền như Côn Đảo, Phú Quốc... Tất cả đã được thể hiện thông qua việc nhà Nguyễn liên tục cử người ra khảo sát, cắm mốc, đo vẽ bản đồ; thực hiện công tác cứu hộ đối với thuyền bè của Việt Nam cũng như thuyền bè của các nước khác gặp nạn trên vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa; đồng thời có những chính sách khen thưởng, xử phạt nghiêm minh đối với những người được triều đình cử đi công vụ tại Hoàng Sa.

Năm Minh Mệnh thứ 11 (1830), viên Thủ ngự coi giữ cửa biển Đà Nẵng là Nguyễn Văn Ngữ dâng bản Tấu về việc ngày 20 tháng 6 có một chiếc tàu buôn của Phú Lãng Sa (tức nước Pháp) trên đường đến Lữ Tống (Luzon-Philip-

pines) bị mắc cạn tại phía Tây đảo Hoàng Sa. Viên ấy đã ra lệnh cho thuyền tuần tiễu mang theo nước ngọt ra biển tìm kiếm và hộ tống các thủy thủ về tảo an toàn.

Thủ ngự cửa biển Đà Nẵng, thần Nguyễn Văn Ngữ kính cẩn tấu trình:

Giờ Dần ngày 20 tháng này, chủ thuyền buôn Phú Lãng Sa là Đô Ô Chi Li cùng viên Tái phó Ế Đoa và bọn phái viên Lê Quang Quỳnh đi thuyền qua Lữ Tống buôn bán. Giờ Dần ngày 27, bỗng thấy Tái phó Ế Đoa và thủy thủ 11 người đi trên thuyền nhẹ sam-bản vào tảo báo rằng: Canh 2, đêm 21 tháng này, thuyền đi qua phía tây Hoàng Sa chẳng may bị mắc cạn, nước ngập vào thuyền hơn 8 thước, bọn ấy bàn nhau chọn lấy 2 hòm bạc quan ngân và một ít đồ ăn, chia ra đi trên 2 chiếc sam-bản nhân khi gió thuận mà vượt về. Nhưng chiếc thuyền chở Đô Ô Chi Li cùng phái viên và bạc quan ngân đi sau chưa thấy đến. Thần lập tức ra lệnh mang thuyền tuần tiễu, chờ theo nước ngọt, ra biển tìm kiếm. Đến giờ Ngọ gặp được thuyền Đô Ô Chi Li cùng phái viên, thủy thủ 15 người đã hộ tống đưa về tảo, người và tiền bạc đều an toàn...⁴

Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), vua đã ban “Thượng dụ” gửi cho Nội các về việc điều tra xét xử, trị tội và khen thưởng những người được cử ra đảo Hoàng Sa đo vẽ bản đồ. Điều đó chứng tỏ vua Minh Mệnh không chỉ quan tâm đến khuôn phép, kỷ cương của triều đình, xử tội để làm nghiêm, ân thưởng để khuyến khích người có công, mà sâu xa hơn, đó là việc hành xử công bằng đối với những người thi hành công vụ tại quần đảo Hoàng Sa, một phần lãnh thổ của Việt Nam thời đó. Việc này được Châu bản triều Nguyễn ghi chép như sau:

Minh Mệnh năm thứ 16, tháng 7 ngày 13;

Nội các thần Hà Tông Quyền, Hoàng Quỳnh phụng Thượng Dụ: Cai đội Phạm Văn Nguyên được phái đi Hoàng Sa, khi trở về dềnh dàng quá hạn, đã có Chỉ giao Bộ trị tội. Nhưng qua tra xét chưa thấy có dấu hiệu tự ý làm việc riêng. Và lại phái đoàn đi biển lần này làm việc khá chu đáo, rất đáng được khen thưởng. Duy Quản viên Phạm Văn Nguyên khi trở về có sự tự mãn, đi lại rất không hợp cách,

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

trước đã bị cách chức bắt gông, nay giao cho Bộ xử phạt đánh đòn 80 trượng nhưng gia ân cho tha, khôi phục lại chức cũ. Còn bọn Giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tien, Nguyễn Văn Hoàng về bản đồ chưa rõ ràng xử phạt 80 trượng nhưng đều cho tha. Các viên dẫn đường là Vũ Văn Hùng, Phạm Văn Sên bị ban thưởng 3 mai tiền Phi long loại nhỏ. Binh lính tham gia đợt này đều thưởng 1 quan tiền cho về đơn vị cũ. Dân phu của các tỉnh phải đi, trừ 2 người hướng dẫn đã có thưởng riêng, số còn lại đều thưởng mỗi người 1 quan để tỏ lòng ưu ái. Hãy tuân mệnh⁵.

Ngày 12 tháng 2 năm Minh Mệnh thứ 17 (1836), Bộ Công đệ trình một bản Phúc tấu về chuyến đi cắm mốc ranh giới chủ quyền tại Hoàng Sa của Đội trưởng Thủy quân Phạm Hữu Nhật và các thuyền viên. Trong đó vua Minh Mệnh đã phê (châu phê) rằng: "Các thuyền được phái đi Hoàng Sa, mỗi thuyền mang theo 10 cọc gỗ, mỗi cọc dài 4 đến 5 thước, dày 1 tấc; khắc sâu các chữ lớn: "Bình Thân, Minh Mệnh thập thất niên" (Năm Bình Thân, Minh Mệnh thứ 17). Các viên Cai đội Thủy quân phụng mệnh ra đảo Hoàng Sa đo đạc, đến đó thì cắm mốc đánh dấu. Hãy tuân mệnh". Lần đó Chánh đội trưởng Thủy quân Phạm Hữu Nhật, giờ Mão hôm trước khởi hành từ cửa Thuận An đến Quảng Ngãi đợi. Bộ Công đã chuẩn bị số cọc gỗ để gửi gấp đến tỉnh Quảng Ngãi giao cho viên ấy mang đi⁶.

Hoàng Sa, Trường Sa là nơi hiểm yếu, nằm trên con đường giao thương trên biển, nhiều tàu thuyền nước ngoài đã bị gặp nạn. Xuất phát từ truyền thống nhân ái của dân tộc, đồng thời thực thi trách nhiệm và nghĩa vụ của nước có chủ quyền trên biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Triều đình cũng như ngư dân vùng biển đã nhiều lần cứu hộ tàu, thuyền nước ngoài gặp nạn ở Hoàng Sa.

Một bản khắc sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, cho biết: "Năm Bình Thân, Minh Mệnh thứ 17 (1836), mùa đông, tháng 12, Thuyền buôn Anh Cát Lợi đi qua Hoàng Sa, mắc cạn, bị vỡ và đắm, hơn 90 người đi thuyền sam bản đến bờ biển Bình Định.

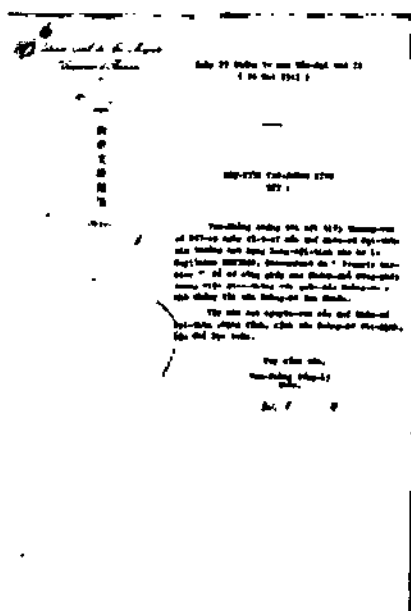


Bản Tấu ngày 27 tháng 6 năm Minh Mệnh 11 (1830)
của Thủ ngự cửa biển Đà Nẵng Nguyễn Văn Ngự
v/v cứu giúp thuyền nước Pháp gặp nạn tại Hoàng Sa
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

Vua được tin, dự cho các dinh thần lựa nơi cho họ trú ngụ, hậu cấp tiền và gạo. Lại phải thị vệ thông ngôn đến phiên dịch để giải lời thăm hỏi, tuyên chỉ ban cấp. Bọn họ đều quý dài, khâu đầu không thối. Sự cảm kích biểu lộ ra lời nói và nét mặt. Phái viên về tâu, vua nói: "Họ, tình vốn kiệt kiệt, kiêu ngạo, nay được đội ơn, bổng cảm hóa, đối được tục man di, thật rất đáng khen". Sai thưởng cho thuyền trưởng và đầu mục, mỗi người 1 áo đoạn vũ hàng màu, 1 quần vải tây và 1 chân vải, những người tùy tùng mỗi người 1 bộ quần áo bằng vải màu. Sắc sai phái viên sang Tây là Nguyễn Tri Phương và Vũ Văn Giải đưa họ sang đầu bến tàu Hạ Châu, cho về nước⁷.

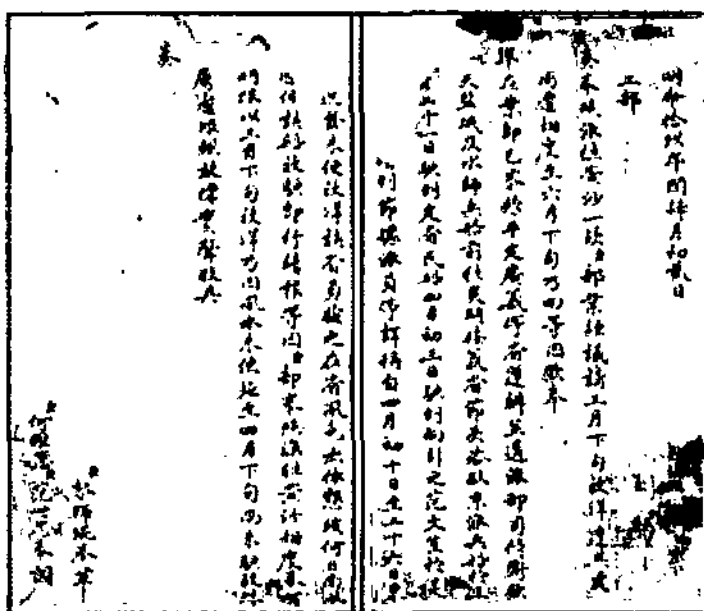
Bản Tấu ngày 22 tháng 12 năm Tự Đức 22 (1869) của Bộ Hộ trình việc tâu Đà Nẵng cứu hộ 1 chiếc tàu lớn của người Xích Mao (người Anh) gặp nạn tại Vạn lý Trường Sa gồm thủy thủ và hoa tiêu người Anh cùng hơn 500 người Hạ Môn phủ Trương Châu tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) trên đường đến Hạ Châu (Singapore) làm thuê. Bản tấu đã khiến vua Tự Đức không hài lòng về việc tâu báo chậm trễ của Bộ Hộ, thể hiện sự quan tâm và trách nhiệm của nhà vua và các cơ quan thực thi của triều đình đối với việc cứu hộ, cứu nạn trong vùng lãnh hải thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Bộ Hộ tâu: Tối ngày 20 tháng này nhận



Bản Tàu ngày 24/5/1941 của Ngự tiền văn phòng v/v xin thưởng Long bội tinh cho Thuyền trưởng BENNOIST vì có công giúp Chính phủ giữ giao thông liên lạc với quần đảo Hoàng Sa.

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia I



Bản Tàu của Bộ Công ngày 2 tháng 4 (tháng 4 nhuận) năm Minh Mạng 19 (1838) tâu trình: Việc phải vắng để đo đạc giáp vòng Hoàng Sa kỳ năm nay, ấn định khởi hành hạ tuần tháng 3, nhưng vì gió đông nổi lên liên tục kèm theo mưa lớn, tới hạ tuần tháng 4 vẫn chưa khởi hành được.

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

được tư trình của quan Phòng ngự biển Quảng Nam Lê Điều căn cứ tờ bẩm của Tán thủ Đà Nẵng Nguyễn Văn Tỷ báo rằng: Ngày 12 tháng này có 1 chiếc thuyền sam bản của ngoại quốc do 4 người Tây và 7 người Thanh cập vào tấn, theo phiên dịch lại lời bẩm thì những người Thanh ấy là người Hạ Môn phủ Trương Châu tỉnh Phúc Kiến cùng với 523 người trong phủ thuê một chiếc thuyền của người Anh và một số thủy thủ, hoa tiêu người Tây tổng cộng 540 người đi thuyền đến Hạ Châu làm thuê kiếm sống. Đêm mùng 8 tháng này trời tối đi nhầm đến Vạn lý Trường Sa bị mắc cạn thân thuyền bị vỡ, người trên thuyền đã trèo lên bãi cát ngụ tạm. Bọn ấy chèo thuyền sam bản theo sóng cập bờ cầu cứu. Viên ấy (Tán thủ Đà Nẵng) đã phái người đến xem xét thuyền sam bản ấy có đủ buồm lái cùng thùng nước dự trữ, ngoài ra không có vật gì khác, xét thấy đúng là bị gió gặp nạn nên đã trích tiền gạo cấp phát theo khẩu lương. Nay thuyền ấy xin được đến gặp

Gia Định để xin quan Tây cứu hộ, chúng thần theo khẩu lương đã cấp cho 2 ngày mỗi người mỗi ngày 20 văn tiền, 1 bát gạo. Ngày 14 tháng này thuyền sam bản ấy đã xuôi buồm đi về hướng Đông Nam. Bộ thần phụng xét các lý lẽ trong tờ tư cũng là tuân theo lệ định, xin trình lên đợi xem xét. Châu phê: Bộ Binh đã trình rồi, quan Quân vận chậm trễ đến như vậy.

Đánh giá được việc thăm dò, quản lý, khai thác tại Hoàng Sa, Trường Sa là công việc rất quan trọng nhưng cũng vô cùng vất vả do phải vượt biển khơi sóng gió, vì vậy không chỉ các Hoàng đế triều Nguyễn mà ngay cả chính quyền thuộc địa Pháp cũng đặc biệt quan tâm khen thưởng những người có công ra Hoàng Sa.

Năm 1939, Ngự tiền văn phòng Bảo Đại nhận được đề nghị của viên Khâm sứ Pháp xin thưởng Long bội tinh hạng 5 cho cho đội lính khổ xanh ở Trung kỳ đã có công dẹp loạn tại miền man di và lập đồn phòng thủ tại đảo Hoàng Sa. Năm 1941, Khâm sứ Pháp tại Trung kỳ lại

đề nghị thưởng Long bội tinh hạng 5 cho viên Thuyền trưởng BENNOIST, Chỉ huy tàu “Francis Garnier” có công giúp Chính phủ trong việc giữ giao thông liên lạc với quần đảo Hoàng Sa⁹.

IV. LỜI KẾT

Biển Đông đang ngày càng khẳng định vị trí chiến lược quan trọng đối với nhiều quốc gia, vì vậy việc các nước trong khu vực cùng quan tâm đến Biển Đông, trong đó có 2 quần đảo trọng yếu Hoàng Sa và Trường Sa đã trở thành vấn đề thời sự quốc tế. Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này đã được các tư liệu lịch sử của Việt Nam và nhiều nước trên thế giới khẳng định. Tuy nhiên từ sau tháng 5 năm 2014, khi Trung Quốc đặt dàn khoan 981 vào sâu trong thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam càng khiến chủ đề này nóng hơn bao giờ hết. Các học giả Việt Nam, trong đó có cả học giả người Việt ở hải ngoại và nhiều học giả quốc tế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về chủ quyền Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa. Nhiều nguồn tư liệu đã được sưu tầm, khảo cứu và công bố như các nguồn tư liệu, thư tịch Hán Nôm cổ của Việt Nam và Trung Quốc; nguồn tư liệu khảo sát thực địa; nguồn tư liệu cùng khá nhiều bản đồ của phương Tây chủ yếu của các nước Anh, Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha... Trong đó nguồn tư liệu được các nhà nghiên cứu đặc biệt đánh giá cao về độ chân xác, tính pháp lý chặt chẽ đó là tài liệu lưu trữ.

Tài liệu lưu trữ nói chung và Di sản tư liệu Châu bản, Mộc bản triều Nguyễn nói riêng là những tài liệu gốc, có tính xác thực cao, bởi trên mỗi tài liệu đều ghi rõ thông tin thời gian, cơ quan ban hành văn bản, người soạn thảo và đóng dấu hợp pháp của triều đình. Thậm chí tài liệu Châu bản triều Nguyễn còn lưu bút tích phê duyệt trực tiếp của các Hoàng đế triều Nguyễn trên văn bản. Vì vậy đây là những tư liệu lịch sử, mang tính pháp lý, là cơ sở để xác tín những sự kiện trong lịch sử. Thông qua các nguồn tài liệu, tư liệu lịch sử có thể thấy rõ việc xác lập, quản lý và thực thi chủ quyền của

các nhà nước Việt Nam xuyên suốt qua nhiều thế kỷ đối với biển và hải đảo của Việt Nam nói chung và Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng là không thể phủ nhận./

Chú thích:

1. Mộc bản triều Nguyễn, sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 22, mặt khắc 29/Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
2. Mộc bản triều Nguyễn, sách Đại Nam nhất thống chí, quyển 6, mặt khắc 18/Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
3. Mộc bản triều Nguyễn, sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 22, mặt khắc 2/Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
4. Châu bản triều Nguyễn, triều Minh Mệnh, tập 43, tờ 58/Trung tâm Lưu trữ quốc gia I
5. Châu bản triều Nguyễn, triều Minh Mệnh, tập 54, tờ 92/Trung tâm Lưu trữ quốc gia I
6. Châu bản triều Nguyễn, triều Minh Mệnh, tập 55, tờ 236/Trung tâm Lưu trữ quốc gia I
7. Mộc bản triều Nguyễn, sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển 176/Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
8. Châu bản triều Nguyễn, triều Tự Đức, tập 200, tờ 216-217/Trung tâm Lưu trữ quốc gia I
9. Châu bản triều Nguyễn, triều Bảo Đại, tập 40, tờ 127a/Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Mộc bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
2. Châu bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Trung tâm Lưu trữ quốc gia I
3. Lê Quý Đôn, Lê Quý Đôn toàn tập - Phụ biên tạp lục (bản dịch của Viện Sử học), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977
4. Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, bản dịch của Viện Sử học, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2005
5. Quốc Sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục (bản dịch của Viện Sử học), NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2002
6. Quốc Sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí (bản dịch của Viện Sử học), NXB. Thuận Hóa, Huế, 1992
7. Tuyên bố năm 1977 về lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam
8. Tuyên bố năm 1982 về đường cơ sở dùng để tính lãnh hải của Việt Nam
9. Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 trong Nghị quyết TW4, khóa X
10. Luật biển Việt Nam năm 2011
11. Nguyễn Q. Thắng, Hoàng Sa - Trường Sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ Công pháp Quốc tế, NXB. Tri Thức, 2008;
12. Đỗ Bang (chủ biên), Triều Nguyễn với công cuộc bảo vệ biển đảo tổ quốc thế kỷ XIX, NXB. Đà Nẵng, 2014
13. Trần Đức Anh Sơn, Tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, NXB. Văn hóa-Văn nghệ, 2014
14. Nguyễn Quang Ngọc, Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa-Trường Sa - Tư liệu và sự thật lịch sử, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2017